TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **370**/2024/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 04 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 300/2024/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 20243, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTKH, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố H.

- Bị đơn: Anh NĐĐ, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTKH và anh NĐĐ.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị NTKH và anh NĐĐ, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị H và anh Đ cùng xác định anh chị có 03 con chung là: Cháu NYN, sinh ngày 03/02/2010, cháu NĐP, sinh ngày 18/7/2012 và cháu NQL, sinh ngày 17/10/2019.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu NYN cho chị NTKH là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu NQL và cháu NĐP cho anh NĐĐ là bố trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh Đ và chị H đến khi cháu YN, cháu P, cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H và anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004353 ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả chị NTKH số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
-UBND thị trấn Trâu Quỳ (GCNKH số 10/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.